

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO

BẮC NINH, THÁNG .. NĂM 2021

Số: 883/QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và kế hoạch đào tạo
cho các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TDTTBN ngày 20/9/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành Đại học chính quy.

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 04 chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho các khóa bắt đầu khai giảng từ năm học 2021-2022:

1. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Giáo dục thể chất;
2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Huấn luyện thể thao;
3. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao;
4. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Y sinh học TDTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (B/c)
- Như điều 3 (T/h)
- Lưu VT; ĐT, QLKH&HTQT (C12)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo quyết định số 883^b/QĐ-DHTĐTTBN ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Hiệu Trưởng Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Quản lý thể dục thể thao
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Quản lý thể dục thể thao
Mã ngành	7810301
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	123
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2021
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Quản lý thể dục thể thao

2. Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình đào tạo trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cao cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe và tài năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực Thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo trang bị cho người học nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, để sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận nhiều vai trò khác nhau, từ nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, đến huấn luyện, quản lý và phát triển cộng đồng và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Thể thao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đào tạo con người có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng tự đào tạo và học tập suốt đời để phát triển chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Thể thao.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã	Mô tả
PO1	Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học quản lý và các kiến thức liên ngành
PO2	Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học quản lý TĐTT, phương pháp tổ chức quản lý TĐTT

PO3	Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý TDTT và khoa học giáo dục.
PO4	Sử dụng thành thạo các kỹ năng quản lý TDTT: lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức các hoạt động TDTT xã hội.
PO5	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học quản lý TDTT.
PO6	Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động tổ chức quản lý TDTT
PO7	Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.
PO8	Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm. có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.
PO9	Rèn luyện đạo đức, tác phong; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam.
PO10	Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã	Nội dung CDR
I.	Chuẩn về kiến thức
PLO1.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mac- Lênin. Hiểu về đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam, nắm vững những điểm chính về Tư tưởng Hồ Chí minh.
PLO1.2	Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng của hoạt động kinh tế liên quan đến lĩnh vực thể dục thể thao trong nước và quốc tế.
PLO1.3	Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý TDTT nói riêng, đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý trong lĩnh vực TDTT.
PLO1.4	Hiểu rõ những lý thuyết cơ bản về công tác quản lý TDTT: Các chức năng, nhiệm vụ của quản lý. Nắm vững các vấn đề về pháp luật liên quan tới hoạt động quản lý của tổ chức xã hội có hoạt động TDTT
PLO1.5	Biết ứng dụng những kiến thức được trang bị vào việc quản lý lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo cũng như nắm được phương pháp và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý TDTT.
PLO1.6	Nắm được kiến thức và kỹ thuật cơ bản một số môn thể thao
PLO1.7	Biết tổ chức các hoạt động phong trào và thi đấu TDTT.
PLO1.8	Nắm được nội dung, quy trình và phương pháp quản lý đối với các lĩnh vực hoạt động TDTT: Quản lý sân bãi; Quản lý TDTT quần chúng; Quản lý TDTT thành tích cao; Quản lý TDTT giải trí; Quản lý các hợp đồng kinh doanh trong lĩnh vực TDTT...
PLO1.9	Nắm vững nội dung, phương pháp cũng như hiểu được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược quản lý cho các tổ chức

	hoạt động trong lĩnh vực TDDT.
2.	Chuẩn về kỹ năng
PLO2.1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các thông tin có tính chất phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo trong lĩnh vực quản lý hoạt động TDDT.
PLO2.2	Kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học quản lý nói chung và quản lý TDDT nói riêng như công tác lập kế hoạch, xúc tiến quá trình quản lý... vào quản lý các cơ sở TDDT và cộng đồng.
PLO2.3	Vận dụng được các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý TDDT trong giải quyết công việc.
PLO2.4	Kỹ năng tư vấn và phát triển TDDT trong xã hội.
PLO2.5	Kỹ năng tổ chức các hoạt động TDDT cơ sở, kỹ năng giảng dạy môn quản lý TDDT và nghiên cứu khoa học theo hướng quản lý TDDT.
PLO2.6	Vận dụng và thao tác được những kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản lý (Quản lý nhân sự, quản lý chiến lược, quản lý tài chính, quản lý Marketing trong TDDT, quản lý sân bãi dụng cụ...)
PLO2.7	Thiết lập và quản lý các chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động TDDT.
PLO2.8	Tổ chức, lãnh đạo và điều hành hoạt động của câu lạc bộ với vai trò của một nhà quản trị cấp cơ sở hoặc cấp trung gian.
PLO2.9	Có khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình tốt.
PLO2.10	Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả
PLO2.11	Có kỹ năng giải quyết nhiều loại công việc cùng lúc trong phục vụ TDDT cho mọi người.
PLO2.12	Biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng trong giao tiếp như: Đàm phán, giao tiếp, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các tình huống trong quá trình hoạt động TDDT.
PLO2.13	Tối thiểu đạt trình độ đẳng cấp III ba môn thể thao.
PLO2.14	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp. Nắm vững chủ trương chính sách của đảng và pháp luật nhà nước, đặc biệt là đường lối của đảng trong lĩnh vực TDDT.
PLO3.2	Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tính tự chủ và sáng tạo trong công việc.
PLO3.3	Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan
PLO3.4	Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao. Có lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp.
PLO3.5	Có tinh thần đoàn kết, cầu tiến, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân bên ngoài đơn vị.
PLO3.6	Tự tin, mạnh dạn trong hoạt động và công tác.

3.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và CDR

[illegible]

3.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về TDTT như: Các vụ thuộc tổng cục TDTT, Phòng nghiệp vụ TDTT, Trung tâm đào tạo và huấn luyện TDTT, Phòng văn hóa TDTT, Nhà thi đấu TDTT, Các câu lạc bộ TDTT, Các trường năng khiếu TDTT, Các khu vui chơi giải trí TDTT.....; Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh về TDTT hoặc tham gia giảng dạy TDTT các cấp, nghiên cứu khoa học TDTT trong các cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học,...

- Khả năng học tập nâng cao: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.

4. Chuẩn đầu vào:

Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường. Hội đồng tuyển sinh của Trường đề xuất, quyết định và công bố các tiêu chí, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định, đề án tuyển sinh của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ với tổng số 123 tín chỉ, 2445 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ, chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đảm bảo theo đúng Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học.

Tốt nghiệp:

- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng Quản lý TDTT.

Điều kiện tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 1.0 (điểm D) trở lên.

- Về đẳng cấp: 03 môn thể thao đạt đẳng cấp III

6. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Các môn đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành		
	18	+ Bắt buộc
	23	+ Tự chọn
3. Các môn kiến thức ngành		
	23	+ Bắt buộc
	15	+ Tự chọn
4. Thực tập nghiệp vụ và khoá luận tốt nghiệp		
4.1. Thực tập nghiệp vụ	8	
4.2. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế	6	
Tổng số	123	

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
A	Các môn đại cương				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	1ĐC301/ 1ĐC302	5	HK 1,2	
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	3	HK 3	1ĐC301/ 1ĐC302
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	HK3	1ĐC302
4	Ngoại ngữ	1ĐC201/1ĐC202	6	HK 1,2	
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	HK 6	
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	HK 3	
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	HK 4	
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	HK 3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	HK 4	1ĐC101
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	HK 2	
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	HK 2	
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3	HK 1	
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2	HK 1	
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1	HK 1	
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP004	2	HK 1	
B	Kiến thức cơ sở ngành		41		
	I. Bắt buộc				
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	HK 5	1TL101
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	HK 6	1TL201
3	Sinh lý Thể dục thể thao	1YS301/1YS302	4	HK 5,6	1YS701
4	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	HK 2	
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	1ĐK007GYQ	2	HK 2	
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD007GYQ	2	HK 1	
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL007GYQ	2	HK 3	
8	Tâm lý học quản lý	1TL104Q	2	HK 7	1TL101

	II. Tự chọn 1 (11/23 tín chỉ)				
9	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	1LL001GYQ/ 1LL002GYQ	4	HK 5,6	
10	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL07			
11	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	HK 2	
12	Hồi phục Thể thao	1YS601HQ	2		
13	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	HK 7	1YS701
14	Dinh dưỡng Thể thao	1YS402HQ	2		
15	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401GHQ	2		
16	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501GHQ	2		
17	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2	HK 5	1ĐC101
18	Văn hóa thể thao	1TL204	2		
	III. Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)				
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007GYH	2		
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN007GYQ	2		
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007GYQ	2	HK 4	
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007GYQ	2	HK 6	
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007GYQ	2	HK 5	
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD007GYQ	2	HK 5	
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007GYQ	2	HK 6	
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007GYQ	2		
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV007GYQ	2		
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD007GYQ	2		
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007GYQ	2	HK 5	
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007GYQ	2		
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007GYQ	2		
32	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	1BD008GQ	2		
33	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc	1BS008GYQ	2		
C	Các môn kiến thức ngành		38		
	Chuyên ngành Quản lý TDTT				
	I. Bắt buộc				
1	Văn bản lưu trữ	1QL214Q	2	HK 8	1QL201
2	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	1QL210Q	2	HK 2	
3	Khoa học quản lý	1QL208Q/ 1QL209Q	4	HK 1,2	
4	Quản lý Thể dục thể thao				
4,1	Quản lý TDTT quần chúng	1QL203G	2	HK 3	1QL208Q/ 1QL209Q
4,2	Quản lý TTTT cao	1QL204H	2	HK 3	1QL208Q/

5	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL305Q/ 1QL306Q	4	HK 6,7	1QL209Q 1QL208Q/ 1QL209Q
6	Kinh tế học Thể dục thể thao	1QL302Q/ 1QL303Q	4	HK 4,5	1QL208Q/ 1QL209Q
7	Báo chí và truyền thông Thể thao	1QL309Q	3	HK 4	1QL203G 1QL204H
II. Tự chọn (14/22 tín chỉ)					
8	Pháp lý Thể dục thể thao	1QL102Q	2		
9	Marketing Thể thao	1QL307Q	3	HK 7	1QL302Q/ 1QL303Q
10	Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam	1QL103HYQ	2		
11	Tin học trong quản lý		2		
12	Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao	1QL218Q	3	HK 6	1QL210Q
13	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	1QL215Q/ 1QL217Q	6	HK 4,5	1QL208Q/ 1QL209Q
14	Toán kinh tế	1DC105Q	2		
15	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	1QL207Q	3	HK 8	1QL210Q
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		14		
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	HK 5	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	HK 7	
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001	6	HK 8	
	Học phần chuyên môn thay thế:				
1	Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội	1QL206Q	3	HK 8	
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1QL208Q/ 1QL209Q	3	HK 8	
	Tổng số tín chỉ		123		

6.3. Mô tả học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1 (2 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn đại cương. Học phần 1 bao gồm những nội dung: Phần Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu khái lược sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin. Phần Thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy. Phần này gồm 3 chương: chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2 (3 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn đại cương. Học phần 2 nội dung gồm: Phần Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản

xuất tư bản chủ nghĩa. Phần này gồm 3 chương: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phần này gồm 3 chương: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức các môn đại cương. Học phần gồm 3 tín chỉ, cung cấp những tri thức có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay. Từ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại,...).

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thẩm thấu thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua việc trình bày:

Thứ nhất, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi, điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và những giá trị, ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, những nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.

5. Ngoại ngữ 1 (3 tín chỉ):

a) Tiếng Anh: Học phần 1- môn tiếng Anh là môn học bắt buộc dành cho sinh viên khoa QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 4 bài theo giáo trình New English File (Elementary) ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 4 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề ngữ pháp như: thì hiện tại thường của các động từ thường và động từ "to be", cách dùng can/ can't, đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, tính từ thông thường, số đếm, tên nước, tên quốc tịch, danh từ số ít và số nhiều, trạng từ chỉ tần suất, thán từ (quán từ a/an/ the)...và luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản.

b) Tiếng Trung: Môn tiếng Trung Quốc là môn học bắt buộc dành cho sinh viên các khóa của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp thông qua các đề thi về phần âm tiết (Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu...) hoặc theo các chủ đề đã được chuẩn bị trước từ 5 - 10 câu (khoảng 4-5 chủ đề) về một số chủ đề quen thuộc, đơn giản như: bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè,... thông qua sử dụng các từ và cụm từ đã học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời, góp phần hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp.

6. Ngoại ngữ 2 (3 tín chỉ):

a) Tiếng Anh: Môn tiếng Anh là môn học bắt buộc dành cho sinh viên khoa QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 5 bài theo giáo trình New English File (Elementary) ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 5 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề ngữ pháp như: thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các giới từ chỉ vị trí, danh từ đếm được, không đếm được, tính từ so sánh hơn, hơn nhất. và luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản (Elementary).

b) Tiếng Trung: Môn tiếng Trung Quốc là môn học bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất khoa QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, học phần II phần tương đương với 45 tiết và 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), ở học phần II này sinh viên ôn tập củng cố lại hệ thống ngữ âm đã được học ở học phần I, bước đầu sử dụng các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và đơn giản. Khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về một số chủ đề quen thuộc, đơn giản như: bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè,... thông qua sử dụng các từ và cụm từ đã học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời, góp phần hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp.

7. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về công nghệ thông tin, sự phát triển của công nghệ thông tin, những ứng dụng của công

nghệ thông tin trong đời sống xã hội, các kiến thức về soạn thảo văn bản, xử lý số liệu, xây dựng bài thuyết trình và tìm kiếm, trao đổi thông tin trên mạng Internet. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ công việc học tập và nghiên cứu khoa học, là công cụ hỗ trợ cho việc học các môn học tiếp theo của chương trình và chuẩn bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thời đại công nghệ thông tin.

8. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

9. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Giáo dục học đại cương là ngành khoa học xã hội, nghiên cứu về bản chất và các quy luật của hoạt động giáo dục của con người. Nó là cơ sở để nghiên cứu các ngành Giáo dục học chuyên ngành như Giáo dục học TDTT. Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Quản lý TDTT, Giáo dục học đại cương nằm trong nhóm các học phần đại cương. Giáo dục học đại cương là học phần mở đầu việc học tập và nghiên cứu của sinh viên về những kiến thức giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khái niệm, phạm trù giáo dục; về xu thế đổi mới trong giáo dục ở trong và ngoài nước; về mục đích, trách nhiệm giáo dục; các con đường giáo dục và công tác quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới.

10. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Thống kê toán học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Cách trình bày số liệu: Giúp sinh viên biết cách thu thập, thu gọn số liệu phục vụ cho các bài toán tiếp theo. Các công thức về các tham số đặc trưng: trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn. Bài toán ước lượng trung bình cộng: giải quyết bài toán tìm khoảng tin cậy cho trung bình cộng trong hai trường hợp mẫu lớn và mẫu bé. Bài toán so sánh hai số trung bình, hai phương sai, hai tỷ lệ: giải quyết các bài toán liên quan đến so sánh hai trung bình; so sánh hai phương sai; so sánh hai tỷ lệ bằng test t hoặc test Khi bình phương. Bài toán hệ số tương quan, phương trình hồi quy: giải quyết bài toán tính mối tương quan giữa hai đặc tính; tìm mối liên hệ giữa các đại lượng thông qua phương trình hồi quy... Thống kê toán học là một môn học chính thức, quan trọng không thể thiếu đối với hệ đại học chính quy.

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Phương pháp NCKH được coi là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên các trường đại học TĐTT. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH TĐTT; giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về công tác NCKH nói chung và NCKH TĐTT nói riêng, bước đầu biết cách sử dụng các phương pháp NCKH TĐTT để thu thập và xử lý thông tin thu được từ đó giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Từ những kiến thức đã học, sinh viên biết tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chỉ đạo dưới hình thức đề tài cá nhân hay đề tài nhóm. Qua đó hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức của NCKH TĐTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy nhằm nâng cao thành tích chuyên môn.

12. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Quản lý hành chính nhà nước là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành và một số lĩnh vực ở Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề như cách thức tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam; tính chất, nguyên tắc, chức năng, quy trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính đối với một số lĩnh vực cơ bản.

13. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Đây là môn học thuộc khối kiến thức đại cương của chương trình đào tạo cử nhân TĐTT, sau 30 tiết học môn học Pháp luật đại cương sẽ nghiên cứu hiện tượng nhà nước và pháp luật dưới góc độ tổng quát có tính căn bản nhất. Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề chung nhất như bản chất, hình thức, chức năng, vai trò xã hội của nhà nước; khái niệm pháp luật, các thuộc tính, chức năng của pháp luật, pháp chế... đồng thời, nghiên cứu một cách rất khái quát về hệ thống các ngành luật.

14. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

15. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược "Diễn biến

hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

16. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (1 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

17. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

18. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Tâm lý học thể dục thể thao là một chuyên ngành của Tâm lý học nghiên cứu các quy luật và hiện tượng tâm lý của con người trong hoạt động thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành QLTDĐT, học phần TLHTDĐT được chia thành 10 chương, trong đó từ Chương 1 đến Chương 5 là các vấn đề chung của Tâm lý học TDĐT; từ Chương 6 đến Chương 10 trình bày các vấn đề về cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy, huấn luyện thể thao. Cụ thể Chương 6 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy huấn luyện kỹ thuật động tác, Chương 7 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt động huấn luyện thể lực, Chương 8 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt động huấn luyện chiến thuật, Chương 9 nói về nhân cách người Huấn luyện viên thể thao và Chương 10 trình bày các vấn đề về huấn luyện tâm lý trong thể thao.

19. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Giáo dục học TDĐT dành cho sinh viên đại học hệ chính quy được biên soạn thành 10 chương với nội dung chính như sau: Chương 1 đến Chương 2 trình bày những kiến thức tổng quan về chuyên ngành khoa học giáo dục học TDĐT như đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học TDĐT, sơ lược lịch sử phát triển của Giáo dục học TDĐT, hệ thống khái niệm cơ bản, cấu trúc của quá trình sư phạm TDĐT. Chương 3 đến Chương 6, trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học TDĐT như khái niệm, bản chất, quy luật, các nguyên tắc trong dạy học TDĐT; phương pháp dạy

học TĐTT, các vấn đề về công tác kiểm tra- đánh giá trong dạy học TĐTT. Chương 7 đến Chương 10, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục nhân cách vận động viên thể thao như nhiệm vụ, nội dung giáo dục VĐV thể thao và các con đường để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung đó; phương pháp, hình thức giáo dục VĐV thể thao; nghiên cứu quá trình tự giáo dục của VĐV thể thao.

20. Sinh lý Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Sinh lý TĐTT Học phần 1 trang bị cho sinh viên hiểu được thành phần chức năng và các hệ thống đệm của máu. Sinh viên hiểu được cấu trúc giải phẫu chức năng của các hệ cơ quan Tuần hoàn, Hô hấp, bài tiết, Thần kinh, Nội tiết ... và mối liên quan các hệ này đến quá trình chuyển hóa trao đổi chất cung cấp Oxy, chất dinh dưỡng năng lượng và điều hòa trong quá trình hoạt động TĐTT.

21. Sinh lý Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Sinh lý TĐTT 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc tính sinh lý các bài tập thể thao, biến đổi các chỉ số sinh lý của cơ thể khi tham gia các bài tập thuộc các vùng công suất khác nhau. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở sinh lý và các phương pháp phát triển các tổ chất vận động; về cơ sở hình thành kỹ năng vận động; về đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong các hoạt động thể thao khác nhau. Bên cạnh đó, thông qua môn học này sinh viên ngành Giáo dục thể chất và Quản lý thể dục thể thao còn được tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm sinh lý của thanh thiếu niên trong tập luyện TĐTT và đặc điểm sinh lý của người cao tuổi và phụ nữ trong tập luyện TĐTT. Từ đó, giúp sinh viên có cơ sở khoa học trong ứng dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tế tổ chức hướng dẫn tập luyện cho các đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sức khỏe cho mọi người.

22. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ):

Giải phẫu học là môn học khoa học nghiên cứu về hình thái bên ngoài và cấu tạo bên trong của cơ thể con người. Nghiên cứu cấu trúc từng cơ quan và mối liên quan giữa giải phẫu và chức năng của cơ quan, bộ phận đó.

Môn học Giải phẫu TĐTT được giảng dạy theo các hệ cơ quan trong cơ thể như: hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ thần kinh ... Môn học được chia làm hai tín chỉ, trong đó tín chỉ 1 giới thiệu về hệ vận động: đây là bộ phận kiến thức cần thiết nhất cho việc phân tích kỹ thuật bài tập thể chất cũng như cho việc tiếp thu các kiến thức các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành. Tín chỉ 2 giới thiệu về hệ nội tạng: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ thần kinh: học phần này giúp cho sinh viên hiểu được hình thái, cấu tạo của các cơ quan bên trong cơ thể và đây là bộ phận kiến thức cần thiết để sinh viên tiếp thu các kiến thức môn sinh lý học, sinh hóa học, tâm lý học, vệ sinh học, y học TĐTT v.v...

23. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Điền kinh là một môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú và đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong các bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện. Trong các trường Đại học và Cao đẳng thể dục thể thao, Điền kinh là một môn khoa học được trang bị đầy đủ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về các phương pháp giảng dạy, huấn luyện. Giúp cho Sinh viên nắm chắc được về các phương pháp giảng dạy, huấn luyện; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu, phương pháp tổ chức trọng tài và kỹ năng thực hành của một số nội dung cơ bản của môn học Điền kinh như: chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, chạy tiếp sức, nhảy xa ưỡn thân, nhảy cao úp bụng, ném bóng, đẩy tạ lưng hướng ném. Ngoài ra học phần cũng sẽ trang bị thêm một phần về nguyên tắc huấn luyện, hướng dẫn biên soạn các bài tập thể lực, bài tập bổ trợ cho các nội dung được học.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi là môn thể thao rất phát triển trên thế giới, tập luyện bơi giúp con người nâng cao sức khỏe một cách toàn diện, là kỹ năng quan trọng và phương tiện hữu hiệu giúp con người trong lao động sản xuất, chiến đấu bảo vệ tổ quốc, phòng chống thiên tai bão lũ, chống đuối nước, chữa một số bệnh và hồi phục sức khỏe ... Với nhiều lợi ích, tác dụng thiết thực và cần thiết cho cuộc sống nên hiện nay đã có một số trường học ở các cấp đưa môn bơi vào chương trình giảng dạy chính khóa cho học sinh, sinh viên.

Bơi là môn học bắt buộc đối với tất cả các ngành học trong chương trình đào tạo của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Trong giảng dạy bơi thể thao thì bơi ếch là kiểu bơi dễ học nhất. Nó là kiểu bơi thường được giảng dạy cho tất cả các đối tượng học bơi ban đầu. Ngoài ra kiểu bơi ếch còn có ý nghĩa thực dụng rất lớn trong đời sống lao động, chiến đấu, cứu đuối.v.v...

26. Tâm lý học quản lý (2 tín chỉ)

Tâm lý học quản lý là một chuyên ngành khoa học tâm lý, nghiên cứu về các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo, quản lý, những người bị lãnh đạo quản lý và các tổ chức xã hội, cũng như các mối quan hệ giữa người lãnh đạo, quản lý và người bị lãnh đạo quản lý. Môn học gồm bảy chương chia làm ba phần. Phần một là Những vấn đề

chung, gồm chương 1 và chương 2. Chương 1 tìm hiểu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học quản lý. Chương 2 tìm hiểu về Đặc điểm và cấu trúc của hoạt động quản lý. Phần 2 Tâm lý người lãnh đạo, quản lý. Gồm chương 3, chương 4 và chương 5. Chương 3 nghiên cứu về đặc điểm tâm lý người lãnh đạo, quản lý. Chương 4 nghiên cứu về ekip người lãnh đạo. Chương 5 nghiên cứu về Phong cách và uy tín của người lãnh đạo. Phần 3 là Một số vấn đề về cá nhân và tập thể người lãnh đạo trong quản lý. Gồm chương 6 và chương 7. Chương 6 nói về Cá nhân và tập thể người lao động trong quản lý. Chương 7 là Một số vấn đề tâm lý học giao tiếp ứng dụng trong quản lý.

27. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp GDTC là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực TDTT. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT, có vai trò quan trọng trong đào tạo giáo viên GDTC các cấp. Lý luận và phương pháp GDTC có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức cơ bản giúp cho sinh viên có những hiểu biết về bản chất các khái niệm, phương tiện, phương pháp và những nguyên tắc trong lĩnh vực TDTT nói chung và giáo dục thể chất nói riêng. Đó cũng là những tri thức nền tảng để họ tiếp thu tốt nội dung tri thức trong nhà trường.

28. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc... vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ TDTT.

29. Lịch sử Thể dục thể thao (2 tín chỉ):

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Quản lý TDTT, học phần Lịch sử TDTT nằm trong nhóm các học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Lịch sử TDTT, là một trong những môn học thuộc khoa học xã hội. Là một bộ phận của khoa học lịch sử và một phần quan trọng nhằm trang bị những kiến thức khoa học trong lĩnh vực TDTT.

30. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Vệ sinh TDTT là môn khoa học y học thực hành nằm trong hệ thống các môn y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong Trường đại học thể dục thể thao. Vệ sinh thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội đối với sức khỏe và năng lực vận động của con người, trên cơ sở đó đề xuất các yêu cầu và xây dựng các chế độ vệ sinh với những tiêu

chuẩn và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao khả năng hoạt động thể lực và thành tích thể thao, đề phòng bệnh tật, chấn thương trong tập luyện.

31. Hồi phục thể thao (2 tín chỉ):

Hồi phục thể thao là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành QLTDĐT Hồi phục thể thao là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hồi phục thể thao bao gồm: đặc điểm mệt mỏi và quy luật hồi phục trong các loại hình tập luyện khác nhau; phương pháp chẩn đoán mệt mỏi, cách thức tiến hành và nguyên tắc sử dụng các phương tiện hồi phục thể thao, từ đó sinh viên biết cách vận dụng vào thực tế tập luyện và thi đấu TDĐT, chăm sóc sức khỏe vận động viên và đời sống hàng ngày.

32. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Y học TDĐT là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDĐT của Trường ĐH TDĐT Bắc Ninh Y học TDĐT là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về y học TDĐT bao gồm: kiểm tra y học TDĐT, chấn thương và các bệnh lý thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, các trường hợp cấp cứu, phương pháp phòng ngừa và xử lý một số trường hợp cấp cứu thường gặp.

33. Dinh dưỡng Thể thao (2 tín chỉ)

Dinh dưỡng thể thao là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn Y sinh học TDĐT, được giảng dạy cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao của Trường đại học TDĐT Bắc Ninh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng cho vận động viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, áp dụng chế độ dinh dưỡng vào tập luyện, thi đấu và hồi phục để đạt thành tích cao. Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức dinh dưỡng vào công tác chăm sóc sức khỏe VĐV và nghiên cứu khoa học TDĐT, nâng cao thành tích thể thao. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về nhu cầu năng lượng và khẩu phần dinh dưỡng của vận động viên thể thao, góp phần giúp vận động viên có khả năng phát triển kiến thức để tự thiết kế khẩu phần dinh dưỡng hợp lý cho bản thân mình, cho vận động viên các môn thể thao ở các lứa tuổi khác nhau. Sử dụng thực phẩm một cách khoa học đáp ứng yêu cầu của huấn luyện hiện đại trong đó vận động viên hiểu biết về “thực đơn dinh dưỡng” của mình.

34. Sinh hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh hóa thể dục thể thao là môn học nằm trong hệ thống các môn khoa học cơ sở của thể dục thể thao, thuộc lĩnh vực y sinh học giảng dạy cho sinh viên ngành QLTDĐT. Sinh hóa thể dục thể thao là môn khoa học sử dụng tổng hợp kiến thức của hóa học và sinh

học để nghiên cứu về sự biến đổi của các hợp chất hóa học hữu cơ trong cơ thể để cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động, nhất là những hoạt động vận động của con người. Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo hóa học, sự chuyển hóa các chất và năng lượng trong cơ thể khi hoạt động thể dục thể thao.

35. Sinh cơ Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh cơ học TDTT là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn y sinh học TDTT, là môn khoa học cơ sở ngành của TDTT, được giảng dạy cho các chuyên ngành đào tạo của Trường Đại học TDTT. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy luật chuyển động cơ học của cơ thể trong quá trình thực hiện kỹ chiến thuật động tác. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức sinh cơ vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện thể thao. Đồng thời hình thành trong sinh viên niềm tin, tình cảm, lòng yêu nghề... đáp ứng yêu cầu xã hội.

36. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại về đo lường giúp sinh viên nắm được các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong đo lường, đánh giá các hoạt động thể dục thể thao,...qua đó ứng dụng trong quá trình giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học TDTT

37. Văn hóa thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Văn hóa thể thao được biên soạn thành 4 chương với nội dung chính như sau: Chương 1: Trình bày những kiến thức tổng quan về văn hóa và văn hóa thể thao như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố tác động...làm cơ sở để nghiên cứu các chương tiếp theo; Chương 2: Ở chương này chủ yếu trình bày những yếu tố cấu thành nên văn hóa thể thao đó là triết lý thể thao, luật lệ thể thao, đạo đức thể thao và những biểu hiện của văn hóa thể thao trong đó có bao gồm nhân cách văn hóa của các chủ thể trong hoạt động thể thao và văn hóa thể thao trong các hoạt động cụ thể; Chương 3. Phác thảo những nét đặc trưng cơ bản về Văn hóa thể thao quốc tế và văn hóa thể thao Việt Nam; Chương 4. Xác định những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục văn hóa thể thao cho vận động viên thể thao. Nội dung của 4 chương trên được thể hiện bằng các hình thức diễn giải, phân tích kết hợp với một số hình ảnh minh họa. Cuối mỗi chương đều có phần tóm lược và câu hỏi ôn tập nhằm giúp người học củng cố lại và phát triển các kiến thức đã học.

38. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (2 tín chỉ)

Học phần kỹ thuật bóng bàn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn bóng bàn, nguyên lý chung khi đánh bóng và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực

hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản, có khả năng giúp người khác tập luyện môn bóng bàn.

39. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném (2 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném, là học phần duy nhất dành cho đào tạo sinh viên không chuyên Bóng ném trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất. Là loại học phần bắt buộc cho sinh viên không chuyên Bóng ném, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành kỹ chiến thuật của môn Bóng ném; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức luật của môn Bóng ném, giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Bóng ném. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Bóng ném.

40. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ. Giúp người học nắm được một số điều luật trong tập luyện, có các kỹ năng trong việc thực hành các kỹ thuật cơ bản. Người học có thể làm hướng dẫn viên Bóng rổ cho người mới tập luyện.

41. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

42. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức lý luận như: Lịch sử phát triển môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Quần vợt, một số kỹ thuật cơ bản quan trọng của môn học, đồng thời phát triển thể lực chuyên môn. Bồi dưỡng kỹ năng cơ bản môn Quần vợt để sinh viên có thể hướng dẫn lại các kỹ thuật Quần vợt cho người tập ở cơ sở khi ra trường.

43. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

44. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ

bắn chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

45. *Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông (2 tín chỉ)*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành của môn Cầu lông. Về lý thuyết gồm: Luật Cầu lông; Phương pháp tổ chức thi đấu Cầu lông; Phương pháp trọng tài Cầu lông. Về thực hành: Có khả năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông; Có khả năng thực hiện tốt các yêu cầu của các bài tập phát triển các tố chất thể lực chuyên môn Cầu lông; Vận dụng những kỹ thuật đã học để tự tập luyện; Có khả năng làm trọng tài thi đấu môn Cầu lông và có khả năng giảng dạy kỹ thuật Cầu lông cho đối tượng mới tập.

46. *Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua (2 tín chỉ)*

Học phần này dành cho đối tượng sinh viên không chuyên ngành Cờ Vua trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 02 tín chỉ. Môn học Cờ Vua sẽ được tổ chức giảng dạy theo các hình thức: Giờ học lý thuyết kết hợp với tập luyện, giờ thảo luận hoặc phương pháp.

47. *Lý luận và phương pháp giảng dạy âm nhạc vũ đạo (2 tín chỉ)*

Âm nhạc - Vũ đạo (ÂNVD) là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức dạy học vận động đặc thù trong lĩnh vực múa và thực hành kỹ năng vũ đạo khiêu vũ. Cấu trúc chương trình môn học cần thiết trong đời sống cho tất cả các ngành học trong chương trình đào tạo của nhà trường, góp phần hoàn thiện tư duy, phẩm chất đạo đức, ý chí, kỹ năng vận động và phát huy khả năng sáng tạo cho người tập. Là môn học tạo tiền đề cơ bản để sinh viên tiếp thu các môn học thực hành khác trong nhà trường, qua đó cơ bản hình thành vốn kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng phân tích, cảm thụ và biên đạo tác phẩm múa sân khấu, khiêu vũ giao tiếp để sinh viên khi ra trường đáp ứng thực tiễn đòi hỏi nhu cầu xã hội.

48. *Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)*

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf, là học phần duy nhất dành cho đào tạo sinh viên không chuyên Golf trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất, Quản lý và Y học. Là loại học phần bắt buộc cho sinh viên không chuyên Golf, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật của môn Golf; trang bị những kỹ năng thực hành kỹ thuật động tác đánh Golf trong quá trình học tập của sinh viên; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức luật của môn Golf; giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Golf. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Golf.

49. *Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng (2 tín chỉ)*

Là học phần thứ 1 nằm trong chương trình đào tạo chính quy sinh viên không chuyên sâu bắn súng ngành QL TDTT. Học phần này giúp sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng môn bắn súng thể thao, lịch sử môn bắn súng thể thao Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên hình thành những khái niệm cơ bản và lý luận, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra trọng tài môn súng trường hơi và các kỹ năng tập luyện, huấn luyện cơ bản môn súng trường hơi. Có thể làm được cộng tác viên, hướng dẫn viên bắn súng môn súng trường hơi.

50. Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành của môn Vật tự do. Lý thuyết, gồm: Vật tự do; Phương pháp tổ chức thi đấu Vật tự do; Phương pháp trọng tài Vật tự do. Thực hành: Có khả năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản của môn Vật tự do; Có khả năng thực hiện tốt các yêu cầu của các bài tập phát triển các tố chất thể lực chuyên môn Vật tự do; Vận dụng những kỹ thuật đã học để tự tập luyện; Có khả năng làm trọng tài thi đấu môn Vật tự do và có khả năng giảng dạy kỹ thuật Vật tự do cho đối tượng mới tập.

51. Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu (2 tín chỉ)

Học phần môn Đá cầu (Kiến thức cơ bản về môn Đá cầu) là nội dung trong chương trình đào tạo của trường Đại học TDTT Bắc Ninh dành cho sinh viên ngành Quản lý TDTT. Trang bị những kiến thức cơ bản ban đầu và lý thuyết môn Đá cầu như lịch sử môn học, các trang thiết bị sử dụng trong môn học... đồng thời trang bị đạo đức con người mới XHCN. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản nhất về môn Đá cầu như: Lịch sử, kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu.

52. Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc (2 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc, là học phần dành cho đào tạo sinh viên ngành Quản lý TDTT. Thời gian thực hiện học phần là 30 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Thể thao dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhằm giúp người tập vui chơi giải trí, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc. Đồng thời thông qua đó giáo dục cho họ nhân cách, đạo đức, phát triển các kỹ năng cần thiết hỗ trợ cho các môn thể thao và phương pháp tổ chức, hướng dẫn các môn Thể thao dân tộc cho công tác sau này.

53. Văn bản lưu trữ (2 tín chỉ)

Văn bản lưu trữ là môn học thuộc khối kiến thức dành riêng cho chuyên ngành quản lý TDTT. Trong thời lượng 30 tiết môn học sẽ đưa ra các vấn đề cơ bản về lý luận về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Môn học giới thiệu về cách thức quản lý và giải quyết các loại văn bản đi, văn bản đến trong các cơ quan nhà nước đồng thời giới thiệu các loại văn bản cụ thể hiện đang tồn tại trong các cơ quan nhà nước.

54. Kế hoạch hóa Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Môn học Kế hoạch hóa nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận của công tác kế hoạch như mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch. Từ đó giúp người học hình thành kỹ năng xây dựng và triển khai một kế hoạch chiến lược, một đề án hoặc một kế hoạch hành động công tác năm...

55. Kế hoạch hóa Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Kế hoạch hóa thể dục thể thao 2 là một trong hai học phần thuộc hệ thống lý thuyết về kế hoạch hóa TDTT. Đây là học phần nhằm hình thành kỹ năng chuyên biệt về cách lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch mà một người quản lý, người lãnh đạo cần phải có. Chính vì vậy học phần này đòi hỏi sự vận dụng trong thực tiễn quản lý cao và có mối liên hệ mật thiết với những học phần khác như Khoa học quản lý; Tổ chức quản lý thi đấu thể thao.

56. Khoa học quản lý 1 (2 tín chỉ)

Khoa học quản lý 1 là học phần khoa học ứng dụng và mang tính liên ngành và được đưa vào trong chương trình giảng dạy của nhiều trường Đại học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDTT nhằm trang bị những kiến thức cơ bản nhất về khoa học quản lý cho sinh viên. Khoa học quản lý 1 nghiên cứu những vấn đề như: khái niệm khoa học quản lý và quản lý; nguyên tắc quản lý; phương pháp quản lý; mục tiêu quản lý; chức năng quản lý...

57. Khoa học quản lý 2 (2 tín chỉ)

Khoa học quản lý 2 là học phần kế tiếp của học phần Khoa học quản lý 1. Đây là học phần thuộc nhằm trang bị những kiến thức cơ bản nhất về quá trình quản lý; hoạt động quản lý, trong đó hoạt động lập kế hoạch chiếm một vị trí quan trọng, cũng như vấn đề vận dụng các phương pháp phân tích SWOT và hệ thống STOPKA trong xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược và kế hoạch hành động.

58. Quản lý TDTT quần chúng (2 tín chỉ)

Quản lý thể dục thể thao quần chúng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân thể dục thể thao ngành Quản lý TDTT. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành, học phần nghiên cứu những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý thể dục thể thao, đồng thời tìm hiểu những vấn đề cơ bản về quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng.

59. Quản lý thể thao thành tích cao (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nói chung và quản lý thể thao thành tích cao nói riêng, như: khái luận về Quản lý; Lý luận chung về thể thao thành tích cao; Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu trong hoạt động thể thao thành tích cao; Hệ thống huấn luyện, quản lý trong hoạt động thể thao thành tích cao và thực tiễn công tác quản lý và phát triển thể thao thành tích cao ở một số nước. Học phần là kiến thức nền tảng,

giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với các kiến thức thuộc các học phần khác của ngành Quản lý TDTT.

60. Xã hội học Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Xã hội học TDTT là môn khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT (quan hệ xã hội, chức năng xã hội, kết cấu xã hội, quá trình xã hội ...). Môn học cung cấp cho người học cơ sở lý luận cơ bản của Xã hội học TDTT bao gồm những kiến thức chung về mối quan hệ giữa TDTT với xã hội, các chức năng xã hội của TDTT, cấu trúc xã hội của TDTT, phân tích xã hội học các lĩnh vực TDTT cụ thể, những khái niệm về lối sống lành mạnh, về chủ trương xã hội hóa TDTT... Từ đó giúp hình thành thế giới quan đúng đắn về giá trị của TDTT, bồi dưỡng nâng cao tình yêu nghề nghiệp.

61. Xã hội học Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên nắm, hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học xã hội, những mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa Thể dục thể thao với các môn khoa học xã hội khác, để có thể nắm hiểu các quy luật vận động của xã hội tác động tới lĩnh vực thể dục thể thao, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác học tập, làm việc trong lĩnh vực thể dục thể thao sau này.

62. Kinh tế học Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

63. Kinh tế học Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể thao như: Khái niệm cơ bản về thể thao, lịch sử hình thành, xu hướng phát triển của hoạt động thể thao và kinh doanh thể thao; nhu cầu, động cơ và các loại hình thể thao; các điều kiện phát triển thể thao; Cơ sở vật chất và kỹ thuật trong thể thao. Hiệu quả kinh tế trong thể thao và các chính sách phát triển thể thao. Học phần là kiến thức nền tảng giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với các kiến thức thuộc các học phần khác của ngành.

64. Báo chí và truyền thông Thể thao (3 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng; Báo chí và vai trò của báo chí trong xã hội cũng như báo chí Việt Nam trong tiến trình phát triển chung của báo chí thế giới. Môn học cũng dành một số lượng tiết nhất định để trang bị cho sinh viên kỹ năng viết tin bài của báo chí thể thao và lập kế hoạch truyền thông cũng như quản trị khủng hoảng truyền thông.

65. *Pháp lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)*

Pháp lý TDTT là học phần thuộc khối kiến thức ngành Quản lý TDTT nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật thể dục, thể thao cũng như các văn bản quy phạm pháp luật về TDTT. Từ đó giúp người học có thể triển khai những nhiệm vụ về quản lý TDTT phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

66. *Marketing Thể thao (3 tín chỉ)*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên khái quát kiến thức tổng quan về marketing và ứng dụng marketing vào ngành dịch vụ thể thao. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về phương thức phân tích nhu cầu khách hàng, phát triển cơ hội thị trường; chiến lược marketing doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ thể thao. Trên cơ sở đó, sinh viên ứng dụng vào thực tế nhằm phân tích, đánh giá và xây dựng chiến lược marketing cho doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ thể thao.

67. *Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)*

Đường lối thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam là môn học chính trị TDTT trong chương trình đào tạo cử nhân thể dục thể thao ngành Quản lý TDTT. Môn học này có vị trí quan trọng trong Chương trình đào tạo, nghiên cứu những kiến thức cơ bản về các quan điểm và định hướng phát triển của Đảng đối với lĩnh vực TDTT.

68. *Tin học trong quản lý (2 tín chỉ)*

Học phần Tin học trong quản lý trang bị cho sinh viên một số kiến thức về soạn thảo văn bản hành chính, kiến thức nâng cao về tin học văn phòng. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ công việc học tập và nghiên cứu khoa học, là công cụ hỗ trợ cho việc học các môn học tiếp theo của chương trình và chuẩn bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thời đại công nghệ thông tin.

69. *Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao (3 tín chỉ)*

Tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức ngành của ngành Quản lý TDTT. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý thi đấu thể dục thể thao, như: đại cương về thi đấu thể thao, tổ chức, quy tắc và phương pháp tổ chức quản lý công tác thi đấu thể thao... trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong công tác tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao và vận dụng trong thực tiễn công tác sau này.

70. *Quản lý Thể dục thể thao giải trí 1 (3 tín chỉ)*

Môn học Quản lý thể thao giải trí trang bị sinh viên về những vấn đề cơ bản liên quan đến thể thao giải trí cũng như xu hướng phát triển của các môn thể thao giải trí

trong tương lai, đặc biệt sinh viên sẽ được tìm hiểu những vấn đề cơ bản nhất của thể thao giải trí – một lĩnh vực có khả năng phát triển rất mạnh trong tương lai ở các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở những hiểu biết về môn học Quản lý thể thao giải trí sinh viên sau này sau khi ra trường có thể tự mình vận dụng sang tạo những kiến thức đã học vào vị trí công việc của mình hoặc tiến hành mở các trung tâm giải trí với các môn thể thao giải trí phù hợp với từng địa phương.

70. Quản lý Thể dục thể thao giải trí 2 (3 tín chỉ)

Quản lý thể thao giải trí là môn học thuộc khối kiến thức dành riêng cho chuyên ngành quản lý TDTT trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về quản lý TDTT giải trí, giới thiệu được các môn thể thao giải trí đang thịnh hành hiện nay. Hướng dẫn các phương pháp tổ chức, tập luyện các môn TDTT giải trí trong xã hội, từ đó giúp phát triển phong trào tập luyện và thi đấu thể thao trong quần chúng nhân dân, thỏa mãn những nhu cầu hưởng thụ giá trị vật chất và tinh thần của con người trong xã hội.

71. Toán kinh tế (2 tín chỉ)

Cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại về bài toán tối ưu giúp sinh viên nắm được các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong đo lường, đánh giá các hoạt động thể dục thể thao,...qua đó ứng dụng trong quá trình giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học TDTT.

72. Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần quản lý sân bãi, công trình TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về công tác quản lý công trình thể dục thể thao như: Hệ thống công trình thể thao, nhu cầu, khả năng đáp ứng, tổ chức, thiết kế và quản lý dịch vụ TDTT, vận dụng hiệu quả trong công tác tổ chức, thi đấu thể thao.

73. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

70. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

71. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ

năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thí tốt nghiệp của sinh viên.

72. Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội (3 tín chỉ)

Học phần Quản lý hoạt động TDTT xã hội giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về TDTT cho nông dân, công nhân viên chức, người lao động; những vấn đề về phát triển phong trào luyện tập TDTT ở KCN-KCX và nông thôn. Đồng thời học phần giúp người học hiểu và nắm rõ quan điểm của Đảng và nhà nước về thể thao người khuyết tật cũng như các nguyên tắc cơ bản trong phát triển lĩnh vực TDTT mang tính nhân văn này.

73. Khoa học quản lý (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành. Trang bị những kỹ năng cần thiết cho cán bộ TDTT.

7. Đề cương chi tiết các học phần (Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

TT	Học phần		Kiến thức									Kĩ năng														Mức độ tự chủ và trách nhiệm						
	Mã HP	Tên Hp	PL O1 .1	PL O1 .2	PL O1 .3	PL O1 .4	PL O1 .5	PL O1 .6	PL O1 .7	PL O1 .8	PL O1 .9	PL O2 .1	PL O2 .2	PL O2 .3	PL O2 .4	PL O2 .5	PL O2 .6	PL O2 .7	PL O2 .8	PL O2 .9	PL O2 .10	PL O2 .11	PL O2 .12	PL O2 .13	PL O2 .14	PL O 3. 1	PL O 3. 2	PL O 3. 3	PL O 3. 4	PL O 3. 5	PL O 3. 6	
A	Các môn đại cương																															
1	1ĐC301 /1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
3	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
4	1ĐC201/ 1ĐC202	Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	1
5	1ĐC103	Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1
6	1TL101	Tâm lý học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
7	1TL201	Giáo dục học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
8	1ĐC101	Thống kê toán học	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
9	1ĐC106	Phương pháp NCKH	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
10	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	3	3	1	3	0	0	3	1	1	2	1	2	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	2	1	1	1	1
11	1QL101	Pháp luật đại cương	2	3	2	2	3	0	0	3	2	2	1	2	1	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	2	1	1	1	1
12	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
13	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	
14	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1		1	
15	1QP004	Giáo dục quốc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	1	

B		Kiến thức cơ sở ngành																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
---	--	-----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

15	HQ	thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	2
16	1YS501G HQ	Sinh cơ Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	2
17	1ĐC102	Đo lường Thể thao	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	1TL204	Văn hóa thể thao	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)																															
19	1BB007G YH	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
20	1BN007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
21	1BR007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
22	1VO007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
23	1QV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
24	1BD007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
25	1BC007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
26	1CL007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
27	1CV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
28	1TD007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2

29	1G0007G YQ	Lý luận và pháp giảng dạy Golf	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
30	1BS007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
31	1V4007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
32	1BD008G Q	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
33	1BS008G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
C	Các môn kiến thức ngành																														
	Chuyên ngành Quản lý TDTT																														
	I. Bắt buộc																														
1	1QL214Q	Văn bản lưu trữ	1	1	0	2	2	0	2	2	1	1	2	3	1	2	2	2	1	1	2	1	0	0	0	0	2	2	2	1	1
2	1QL210Q	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	0	0	2	3	2	0	2	3	3	2	3	0	2	2	3	3	2	1	2	2	1	0	0	0	2	0	2	2	3
3	1QL208Q 1QL209Q	Khoa học quản lý	1	1	2	3	2	0	0	2	1	2	2	1	1	1	2	1	2	1	1	2	1	0	0	1	2	0	1	2	2
4		Quản lý Thể dục thể thao																													
4,1	1QL203G	Quản lý TDTT quần chúng	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	2	3
4,2	1QL204H	Quản lý TTTT cao	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	2	3
5	1QL305Q 1QL306Q	Xã hội học Thể dục thể thao	1	2	2	2	2	0	1	1	2	2	2	1	2	2	2	1	2	1	1	1	1	0	0	1	1	0	2	1	2
6	1QL302Q 1QL303Q	Kinh tế học Thể dục thể thao	0	3	2	2	1	0	1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2
7	1QL309Q	Báo chí và truyền thông Thể thao	0	1	0	2	1	0	1	1		2	1	1	2	2	2	1	1	2	1	2	2	0	0	2	1	1	2	1	3
	II. Tự chọn (14/22 tín chỉ)																														

9	1QL307Q	Marketing Thể thao	0	3	2	2	1	0	1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1
10	1QL103H YQ	Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
11	1ĐC104Q	Tin học trong quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1
12	1QL218Q	Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
13	1QL215Q 1QL217Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí	0	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	1	2	3	2	1	1	1	2	2	2	0	0	1	2	1	2	2	3
14	1ĐC105Q	Toán kinh tế	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
15	1QL207Q	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp																														
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1	1	2	2	3	1	2	3	3	3	3	2	2	3	3	1	1	3	2	2	2	0	0	2	3	3	3	3	3
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1	1	2	2	3	1	2	3	3	3	3	2	2	3	3	1	1	3	2	2	2	0	0	2	3	3	3	3	3
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	2	2	3	3	2	1	1	2	3	3	2	2	1	2	2	1	1	2	1	2	3	0	0	2	3	2	3	3	3
Học phần chuyên môn thay thế:																															
1	1QL206Q	Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	3
2	1QL208Q 1QL209Q	Học phần chuyên môn thay thế 2	1	1	2	3	2	0	0	2	1	2	2	1	1	1	2	1	2	1	1	2	1	0	0	1	2	0	1	2	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 – Không đóng góp; 1 – Đóng góp ít; 2 – Đóng góp nhiều

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

9.1. Phương pháp giảng dạy

9.1. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

* Sự tương thích của PP giảng dạy với CĐR CTĐT (dùng dấu x)

[illegible]

PLO3.3	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.6	x	x	x	x	x	x	x	x	x

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

* Sự tương thích của PP đánh giá với CDR CTĐT (dùng dấu x)

	PDG1	PDG2	PDG3	PDG4	PDG5	PDG6	PDG7	PDG8
PLO1.1	x	x	x		x		x	x
PLO1.2	x	x	x		x		x	x
PLO1.3	x	x	x		x		x	x
PLO1.4	x	x	x		x		x	x
PLO1.5	x	x	x		x		x	x
PLO1.6	x	x	x	x		x		
PLO1.7	x	x	x		x		x	x
PLO1.8	x	x	x		x		x	x
PLO1.9	x	x	x		x		x	x
PLO2.1	x	x	x		x		x	x
PLO2.2	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.3	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.4	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.5	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.6	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.7	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.8	x	x	x		x		x	x
PLO2.9	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.10	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.11	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.12	x	x	x		x	x	x	x

PLO2.13	X	X	X		X	X		
PLO2.14	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO3.1	X	X	X		X	X	X	X
PLO3.2	X	X	X		X	X	X	X
PLO3.3	X	X	X		X	X	X	X
PLO3.4	X	X	X		X	X	X	X
PLO3.5	X	X	X		X	X	X	X
PLO3.6	X	X	X		X	X	X	X

9.3. Đánh giá CDR của khóa học

9.3.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

9.3.3. Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo 08/2021/TT-BGDĐT. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - Học phần chỉ có lí thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...).	60%

- *Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án*: điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án.
 - *Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án*: điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3. Công thức tính điểm học phần

3.1. Học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$$

Trong đó, a: điểm học phần; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₃: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.

3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + (a_3 \times m + a_4 \times n) \times 0.6 / (m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₃: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a₄: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a₂: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

10. Các chương trình đào tạo tham khảo

1. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, trường Đại học TDTT Đà Nẵng.
2. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, Trường đại học TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc.
4. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, Học viện TDTT Thượng Hải, Trung Quốc.
5. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, Đại học TDTT Leipzig, Đức.
6. Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, Thanh niên và Du lịch Quốc gia Nga, Liên bang Nga,.

11. Tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản lý thể dục thể thao trình độ đại học gồm 1 Giáo sư, 14 Phó Giáo sư, 33 Tiến sĩ và 77 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 03 PGS phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- 05 Tiến sĩ, 01 Thạc sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;
- 1 Giáo sư, 11 Phó giáo sư, 28 Tiến sĩ và 76 Thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Quản lý thể dục thể thao.

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành và các hệ đào tạo. Trong đó bao gồm: Những công trình và cơ sở vật chất - kỹ thuật có qui mô lớn, sử dụng lâu dài và có sự đầu tư lớn về thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là:

- + Nhà thi đấu
- + Nhà tập tổng hợp.
- + 02 Bể bơi.
- + 02 Sân điền kinh.
- + 02 Sân bóng đá.
- + 01 Sân tập golf
- + 3 Sân tennis.
- + 4 sân bóng chuyên.
- + 3 sân bóng rổ.
- + Nhà tập thể dục.
- + Nhà tập võ.
- + Nhà tập bóng bàn.
- + Nhà tập thể lực.
- + Nhà tập cầu lông.
- + Nhà tập vật.
- + Phòng thí nghiệm.
- + Phòng học ngoại ngữ (chuyên dụng), phòng máy tính thực hành tin học.
- + Phòng hội thảo thư viện, hội trường A, B.
- + Trên 80 phòng học (trong đó 30 phòng có 50 chỗ ngồi).
- + Trung tâm Y tế phục hồi chức năng.
- + 03 phòng học 100 chỗ.
- + 4000 chỗ ở ký túc xá.
- + Phòng làm việc của cán bộ giảng viên.
- + Thư viện.

Để đào tạo ngành Quản lý TDDT, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 65 đầu sách, giáo trình để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

13. Hướng dẫn và thực hiện

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý TDDT được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học TDDT Bắc Ninh và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học TDDT Bắc Ninh để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <https://upes1.edu.vn>. Phòng Đào tạo Trường Đại học TDDT Bắc Ninh tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn. Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Cao Hoàng Anh

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học TDDT Bắc Ninh